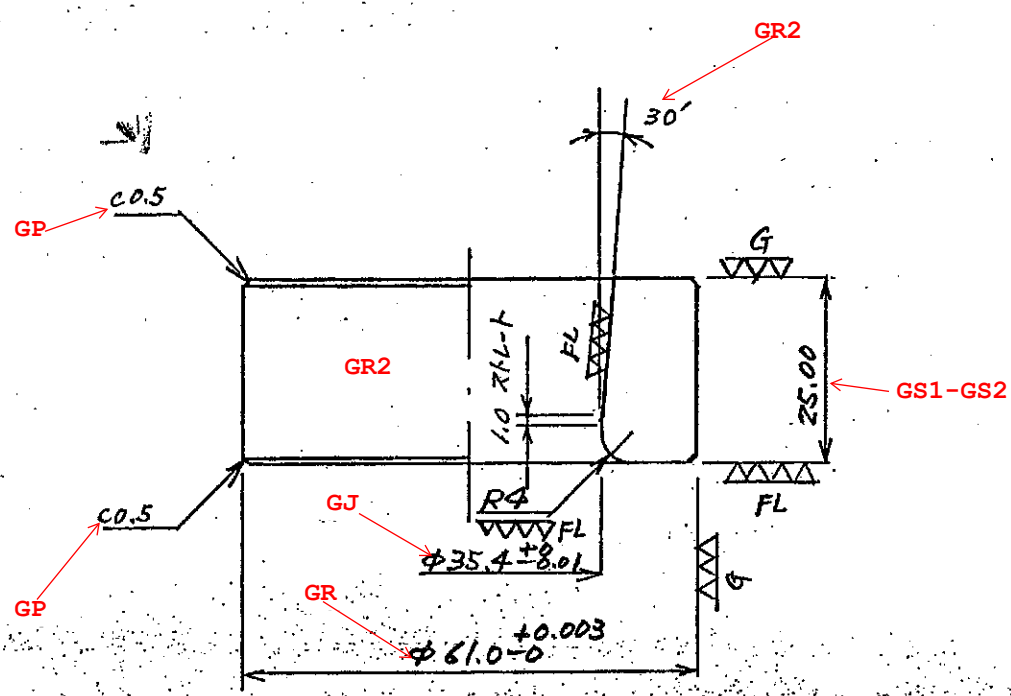


記号	年月日	記 事	担当
A	98.9.7	同番線記修正(AA→BA)	日原

11/6.

213 107510A
1P



ĐỘ ĐỒNG TRỤC 0.005

同軸度・直角度 0.005以内

引伸下模

BTP 9077634

新圖面番號 S077634

圖 面 番 号	TM02-004M-00-1-012-AA-B1-A
---------	----------------------------

加工公差表示			
0.0000	±0.002	0.000+0	+0 -0.005
0.000	±0.005	0.000+0	+0 -0.005
0.00	±0.01	0.00+0	+0 -0.01
0.0	±0.1	0.00+0	+0 -0.01
0.	±0.2	0.0+0	+0 -0.1
		0.0+0	+0 -0.1

公差表示されている場合は、それを優先する

WC(Φ20/HIP)		材 質	数/台	担当
熱 処 理	焼入 焼戻	HRC		
表 面 処 理				
尺 度	/ (/)			

部品名 送り金

図番 901072-12
整番 931062
RF-370C 大4-7
為1枚リ程
日付 90.10
承認

SNO: S077634	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R077634	GS1:60 GR:150 GJ:150 EN:180 KA GS2:60 GR2:160 AF:30 KT